

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 21/2026/HS-PT
Ngày 17 - 7- 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quách Lý Hoàng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Lê Duy A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

1. Các bị cáo có kháng cáo:

1.1. **Lê Duy A**, sinh ngày 17/7/2005, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096205001849, cấp ngày 28/6/2022; nơi cư trú: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh T và bà Lê Thị Thùy H (Thị Hương); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

1.2. **Lê Hoàng N**, sinh ngày 15/7/2007, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096207011282, cấp ngày 20/5/2022. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ú và bà Quách Hồng X; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đoàn Quốc Nhất L** Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (*Có mặt*).

1.3. **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 07/4/2008, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096208012652, cấp ngày 13/3/2023; nơi cư trú: Ấp N, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề

nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Đang học sinh lớp 12 Trường THPT K4; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Kim P; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà **Phạm Kim P**, sinh năm 1976, có mặt, nơi cư trú: Ấp N, xã K, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Cẩm H1** là Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (*Có mặt*).

1.4. **Nguyễn Minh K** (tên khác: Lượm), sinh ngày 12/9/2007, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096207006306, cấp ngày 03/7/2022; nơi cư trú: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Đang học sinh lớp 12 Trường THPT K4; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thùy T2 (Thị Trang); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

1.5. **Nguyễn Trọng T3**, sinh ngày 15/3/2007, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096207010483, cấp ngày 01/6/2021. Nơi cư trú: Ấp N, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Huỳnh Kiều D1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt.

1.6. **Võ Trọng V**, sinh ngày 20/9/2007, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096207010420, cấp ngày 09/01/2022. Nơi cư trú: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T5 và bà Võ Thị P1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Trọng V:* Ông **Nguyễn Chánh T6** là Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (*Vắng mặt, có gửi bài bào chữa*).

1.7. **Phạm Nhật D2**, sinh ngày 24/7/2006, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096206014880, cấp ngày 18/11/2021. Nơi cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N1 và bà Mai Cẩm L1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

1.8. **Lê Nhật P2**, sinh ngày 15/12/2006, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096206011890, cấp ngày 24/6/2022. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng X1 và bà Ngô Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

1.9. Phạm Duy K1, sinh ngày 19/9/2005, tại tỉnh Cà Mau. Số CCCD 096205010095, cấp ngày 12/8/2021. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Chung T7; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

1.10. Huỳnh Chí L2, sinh ngày 10/01/2008, tại: Tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T8 và bà Lê Thanh B1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thu T9** là Luật sư của Công ty TNHH L8 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (*Có mặt*).

1.11. Trần Thanh H3, sinh ngày 17/6/2007, tại: Tỉnh Cà Mau. Số CCCD 0962070006013, cấp ngày 16/5/2022. Nơi cư trú: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A1 và bà Nguyễn Thị D3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị T10** là Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (*Vắng mặt, có gửi bài bào chữa*).

2. Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị: Huỳnh Hữu T11, Lâm Văn H4, Đinh Nhật D4 (*Vắng mặt*).

3. Bị hại không kháng cáo: L (*Có mặt*).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại L V2:* Bà **Quách Ngọc L3**, là Luật sư Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (*Có mặt*).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại:* Ông **Lâm Văn L4**, sinh năm 1980, nơi cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

5. Người tham gia tố tụng khác:

- Ông **Trịnh Công N2** – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường THPT K4 (*Có mặt*).

- Ông **Nguyễn Hùng C** – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Văn hoá – Xã hội của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2024 giữa T11 và Lê Chí V1 xảy ra mâu thuẫn, T11 hẹn V1 đánh nhau. T11 rủ H4, T6, K, L2, Lê D5, Duy A, T11 kêu Duy A rủ thêm người đi đánh V1 tiếp T11, Duy A rủ N, Phạm Nhật D2, Đinh Nhật D4, K1, P2, H5, H4 rủ T1, T1 rủ V, K rủ H3, H5 rủ K2 tập trung tại nhà T11 đi đánh V1 tiếp T11, tất cả đồng ý. Tại nhà T11, T11 lấy 03 cây dao tự chế và 04 ống tuýp sắt có hàn lưỡi dao bằng kim loại, rồi lên xe đi đến điểm hẹn đánh nhau. Khi đi, P2 điều khiển xe chở Duy A cầm 01 cây dao và 01 ống tuýp sắt; L2 điều khiển xe chở T11 cầm 02 ống tuýp sắt; Phạm Nhật D2 điều khiển xe chở N cầm 01 cây dao; T6 điều khiển xe chở H4 cầm 01 ống tuýp sắt; Đinh Nhật D4 điều khiển xe chở K1 ngồi giữa và Lê Duy N3 sau, mỗi người cầm 01 cây dao; K2 điều khiển xe chở H5, H5 được T11 đưa cầm 01 ống tuýp sắt; V điều khiển xe chở T1; K điều khiển xe chở H3, L2 được Duy A đưa cầm 01 cây dao. Nhóm T11 di chuyển đến hướng Chùa C1, do xe T1 tính yếu nên dừng lại, H4 đưa lại ống tuýp sắt cho T6 cầm, K1 đưa dao tự chế cho H4 cầm, Lê D5 cùng T6 lên xe cho K1 chở đi, H4 qua xe đi cùng Đinh Nhật D4 do D4 chở. Do xe K2 chở H5 bị ngập xăng, lạc đường và không theo kịp nhóm T11 nên H5 kêu K2 quay lại hướng về nhà. Nhóm T11 rẽ trái cách ngã ba chợ N4 khoảng 2km, thuộc ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau K1 đưa dao tự chế cho H4 cầm, L2 nhặt 01 vỏ chai bia thủy tinh ven đường, rồi cả nhóm tiếp tục di chuyển đến trước Chùa C1, khi đến hướng từ chợ C2 5 thuộc xã Đ về hướng cầu K thuộc xã K, tỉnh Cà Mau là khoảng 22 giờ cùng ngày. Khi thấy xe của V2, nhóm Trí tưởng là nhóm của V1, N dùng dao chém từ trên xuống trúng vào kẽ ngón III – IV bàn tay phải của V2 01 cái, H4 dùng dao chém trúng cánh tay phải của V2 01 cái. K3 chở L5, Đường A2 chở V2 bỏ chạy về hướng chợ N4, khi chạy ngang nhóm T1, K, H3, V, Đinh Nhật D4 và Phạm Nhật D2 thì tất cả tràn ra chặn lại nhưng không chặn được. Lúc này, T11 và Duy A la lên rượt theo, tất cả cầm hung khí lên xe đuổi theo, T1 điều khiển xe chở T11, Đinh Nhật D4 điều khiển xe chở H4, Phạm Nhật D2 điều khiển xe chở N, K1 điều khiển xe chở T6 và L2, P2 điều khiển xe chở Duy A, H3 điều khiển xe chở K, V điều khiển xe chở Lê D5 đuổi theo xe của K3 và Đường A2 để chém tiếp nhưng không kịp. Khi Phạm Nhật D2 chở N đến cầu K thì gặp H5 và K2 đang dẫn xe, H5 đưa ống tuýp sắt có hàn lưỡi dao cho N rồi đi về nhà. Không đuổi kịp nhóm bị hại, T11, T1, H4, Đinh Nhật D6, Phạm Nhật D2, N, K1, T6, L2, P2, Duy A, V, Lê D5 đi về nhà T11 cất hung khí, còn H3 và K đi về nhà.

Thời gian nhóm bị cáo T11 đi tìm nhóm của V1, gây thương tích cho Lâm Nguyên V2 được diễn ra đêm khuya, kéo dài khoảng 40 phút, điều khiển nhiều xe mang theo nhiều hung khí là dao tự chế, ống tuýp sắt, vỏ chai bia, di chuyển trên đoạn đường dài liên xã K và xã T khoảng 05km, có hành vi gú ga, nẹt pô, chửi bới

lớn tiếng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Tại Công văn số: 217/UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau và Công văn số: 458/UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Cà Mau xác định: Hành vi của các bị cáo tập trung đông người, cầm hung khí đi xe mô tô trên đoạn đường liên xã T và xã K, rồi quay ngược lại đập phá tài sản, gây thương tích cho người khác, không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hoá, gây mất an ninh, trật tự, hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn xã, gây ảnh hưởng nghiêm trọng, phức tạp đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với Lâm Nguyên V2, sau khi bị nhóm của T11 chém gây thương tích được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh C điều trị.

Ngày 01/12/2024, Lâm Nguyên V2 có đơn yêu cầu xử lý hình sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 295/KLTTCT-TTYT ngày 04/12/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh C, kết luận thương tích của Lâm Nguyên V2:

- 01 vết thương kẻ ngón III – IV bàn tay phải kích thước 15cm x 0,2cm: 02% (Hai phần trăm), do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

- 01 vết rách da 1/3 mặt ngoài cánh tay phải kích thước 05cm x 0,2cm (bệnh án không ghi nhận), chưa xếp tỷ lệ %, đề nghị giám định bổ sung sau khi xác minh và ghi nhận đầy đủ.

- Tróc một phần vỏ nền xương bàn III bàn tay phải: 01% (Một phần trăm), do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

- Đứt gân duỗi các ngón III – IV bàn tay phải, đứt cơ gian cốt mu tay ngón III – IV bàn tay phải, đứt động mạch gan ngón riêng III – IV và các tĩnh mạch ngón riêng bàn tay phải, hiện tại chưa đánh giá được ảnh hưởng chức năng, chưa xếp tỷ lệ %, đề nghị giám định bổ sung sau 30 ngày (kể từ ngày xảy ra sự việc).

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lâm Nguyên V2 tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm).

Kết luận khác: Thương tích do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động làm tổn thương da, mô liên kết dưới da (gân, cơ, mạch máu, xương ...) để lại thương tích như trên.

Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 16/KLTTCT-TTYT ngày 24/01/2025 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh C, kết luận thương tích của Lâm Nguyên V2:

- 01 vết rách da 1/3 trên mặt ngoài cánh tay phải kích thước 05cm x 0,2cm: 01% (Một phần trăm).

- Đứt gân duỗi ngón III bàn tay phải đã điều trị hiện tại còn hạn chế gấp duỗi ngón III bàn tay phải: 05% (Năm phần trăm).

- Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay phải đã điều trị hiện tại còn hạn chế gấp duỗi ngón IV bàn tay phải: 04% (Bốn phần trăm).

- Đứt cơ gian cốt mu bàn tay ngón III, IV và động mạch gan ngón III, IV và các tĩnh mạch ngón riêng bàn tay phải, không xếp tỷ lệ phần trăm.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lâm Nguyên V2 tại thời điểm giám định là 10% (Mười phần trăm).

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 295/KLTTCT-TTPY ngày 04/12/2024 và Giám định bổ sung là 12% (Mười hai phần trăm).

- Trong quá trình điều tra các bị cáo đã vận động gia đình bồi thường tiền cho bị hại tổng cộng = 195.000.000đ; Bị hại không yêu cầu gì thêm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu T11, Lâm Văn H4, Lê Duy A, Lê Hoàng N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Trọng T3, Võ Trọng V, Đinh Nhật D4, Phạm Nhật D2, Lê Nhật P2, Phạm Duy K1, Huỳnh Chí L2, Trần Thanh H3 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T11 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích”, 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Huỳnh Hữu T11 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lâm Văn H4 01 (một) năm tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Lâm Văn H4 phải chấp hành chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoàng N 01 (một) năm tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Lê Hoàng N phải chấp hành chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Duy A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Lê Duy A phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Nhật D4 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Đinh Nhật D4 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Nhật D2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Phạm Nhật D2 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Duy K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Phạm Duy K1 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ các điều 17, 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thanh H3 10 (mười) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Trần Thanh H3 phải chấp hành chung là 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Nguyễn Minh K phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T3 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Nguyễn Trọng T3 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Võ Trọng V 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Võ Trọng V phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lê Nhật P2 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Lê Nhật P2 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L2 08 (tám) tháng tù tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) 02 (hai) tháng tù tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên bị cáo Huỳnh Chí L2 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Lê Hoàng N có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại, khi phạm tội là người chưa thành niên.

* Ngày 06/04/2026 bị cáo Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo, trong đơn kháng cáo có bà Phạm Kim P (*mẹ bị cáo là người đại diện hợp pháp cho bị cáo có ký tên vào đơn kháng cáo*) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ, khi phạm tội là người chưa thành niên. Hiện là đang học sinh lớp 12 được nhà trường xin giảm nhẹ.

* Ngày 08/04/2026 bị cáo Võ Trọng V có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ, khi phạm tội là người chưa thành niên, gia đình có công, chỉ đồng phạm với tính chất hỗ trợ tinh thần, không quyết định đến hậu quả thương tích.

* Ngày 08/04/2026 bị cáo Nguyễn Minh K có đơn kháng cáo: Bản án tuyên chưa phù hợp với tính chất hành vi; Với lý do: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ông ngoại là người có công, đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ, không trực tiếp gây thương tích.

* Ngày 09/04/2026 bị cáo Trần Thanh H6 có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ, khi phạm tội là người chưa thành niên, chỉ đồng phạm với tính chất hỗ trợ tinh thần, không nhằm mục đích gây rối.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Nguyễn Trọng T3 có đơn kháng cáo xin giảm án

với lý do: Mức án 01 năm 10 tháng tù là quá nghiêm khắc.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Lê Nhật P2 có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Mức án 01 năm 10 tháng tù là quá nghiêm khắc.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Lê Duy A có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Mức án 03 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc so với hành vi gây ra.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Phạm Duy K1 có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Mức án 03 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc so với hành vi gây ra.

* Ngày 07/04/2026 bị cáo Phạm Nhật D2 có đơn kháng cáo xin giảm án với lý do: Mức án 03 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc so với hành vi gây ra.

* Ngày 10/04/2026 bị cáo Huỳnh Chí L2 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo với lý do: Khi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn; Thật thà khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội là người chưa thành niên, gia đình có công.

* Ngày 07/07/2025, anh Lâm Văn L6 là cha của bị hại Lâm Nguyên V2 có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo (*Trong đơn có ký tên gồm: Bị hại là Lâm Nguyên V2; Cha của bị hại là ông Lâm Văn L6; Mẹ của bị hại là Phan Trúc L7*).

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- ***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:*** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

- ***Những người bào chữa, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các bị cáo:*** Đều có chung yêu cầu đề nghị giảm án cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Hoàng N, Nguyễn Văn T1, Võ Trọng V, Nguyễn Minh K, Trần Thanh H3, Nguyễn Trọng T3, Lê Nhật P2, Lê Duy A, Phạm Duy K1, Phạm Nhật D2, Huỳnh Chí L2 được nộp trong thời hạn luật định, bảo đảm đúng chủ thể và hình thức theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định; Các bị cáo không

kêu oan, không tranh luận về tội danh, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2024, xuất phát từ mâu thuẫn giữa Huỳnh Hữu T11 với Lê Chí V1. Huỳnh Hữu T11 đã chủ động rủ nhiều người tham gia cùng đi tìm anh Lê Chí V1 để đánh nhau. Sau khi tập trung tại nhà T11, các bị cáo đã chuẩn bị nhiều hung khí nguy hiểm gồm dao tự chế, ống tuýp sắt có hàn lưỡi dao bằng kim loại và các vật khác có khả năng gây sát thương cao, chia nhau mang theo rồi điều khiển nhiều xe mô tô lưu thông trên các tuyến đường liên xã để tìm nhóm của V1. Khi gặp nhóm của anh Lâm Nguyên V2, mặc dù không phải là nhóm của V1 nhưng các bị cáo vẫn sử dụng dao chém anh V2 gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã tuyên bố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi thực hiện tội của các bị cáo có tính chất đặc biệt nghiêm trọng về phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân, các bị cáo đã tập hợp lực lượng đông người, chủ động chuẩn bị nhiều hung khí nguy hiểm, phân công mang theo hung khí, điều khiển nhiều xe mô tô di chuyển trên quãng đường khoảng 05 km qua nhiều địa bàn dân cư trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến gần 22 giờ đêm. Trong quá trình di chuyển, các bị cáo thực hiện hành vi rú ga, nẹt pô, chửi bới lớn tiếng, mang theo hung khí công khai, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân đang sinh sống trên địa bàn.

Khi gặp nhóm của anh Lâm Nguyên V2, mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại, nhưng các bị cáo vẫn sử dụng dao chém liên tiếp vào người bị hại, sau đó tiếp tục truy đuổi nhằm thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Hành vi này thể hiện rõ tính côn đồ, coi thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác và xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Theo Công văn số 217/UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã T và Công văn số 458/UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã K đều xác định hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, làm người dân hoang mang, bức xúc, ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa và an toàn xã hội trên địa bàn. Đây là những tài liệu khách quan chứng minh hậu quả xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và cũng là căn cứ để xác định tính chất nguy hiểm của vụ án.

[4] Trong vụ án này, mặc dù thương tích của bị hại chỉ có 12%; Với hậu quả xảy ra này chưa phản ánh đầy đủ về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã chuẩn bị từ trước, thống nhất ý chí, chuẩn bị hung khí, tập hợp đông người, chủ động đi tìm đánh nhau, sử dụng hung khí nguy hiểm để tấn công người khác vào ban đêm trên tuyến đường công cộng. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm đánh giá hành vi của các bị cáo có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Đối với từng bị cáo kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Các bị cáo đều có nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã cùng gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền 195.000.000 đồng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; một số bị cáo là người chưa thành niên khi thực hiện hành vi phạm tội; một số bị cáo có nhân thân là người có công với cách mạng hoặc được nhà trường xác nhận có quá trình học tập tốt. Những tình tiết này đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đầy đủ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng các quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội.

Mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm quyết định đối với từng bị cáo đã được cá thể hóa trên cơ sở đánh giá đầy đủ vai trò, tính chất tham gia, mức độ nguy hiểm của từng bị cáo trong vụ án. Những bị cáo giữ vai trò khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị hung khí, tích cực thực hiện hành vi phạm tội hoặc trực tiếp gây thương tích đều bị xử phạt nghiêm khắc hơn; những bị cáo có vai trò thứ yếu, không trực tiếp gây thương tích hoặc là người chưa thành niên đều được áp dụng mức hình phạt thấp hơn đáng kể. Việc Bản án sơ thẩm đã lượng hình như trên là bảo đảm được nguyên tắc công bằng giữa các bị cáo với nhau.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các lý do được nêu trong kháng cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, được bị hại xin giảm nhẹ, là người chưa thành niên, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu hoặc gia đình có công với cách mạng đều là những tình tiết mà Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Hơn nữa trong vụ án này các bị cáo đều phạm vào 02 tội "*Cố ý gây thương tích*" và tội "*Gây rối trật tự công cộng*" thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, nên không đủ điều kiện để cho hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (được sửa đổi, bổ sung). Vì vậy, cũng không có căn cứ để xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Cần giữ nguyên bản án hình sự sơ

thẩm theo như quan điểm đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh C là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 27/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các phần khác của Quyết định bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

2. Áp dụng các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng N 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Lê Hoàng N phải chấp hành chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Duy A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Lê Duy A phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 22/7/2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật D2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Phạm Nhật D2 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/7/2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình

phạt của 02 tội bị cáo Phạm Duy K1 phải chấp hành chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/7/2025.

4. Căn cứ các điều 17, 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh H3 10 (mười) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Trần Thanh H3 phải chấp hành chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5. Căn cứ các điều 17, 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 55, 58; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Nguyễn Minh K phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T3 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Nguyễn Trọng T3 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/7/2025.

Xử phạt bị cáo Võ Trọng V 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Võ Trọng V phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Nhật P2 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Lê Nhật P2 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/7/2025.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L2 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Huỳnh Chí L2 phải chấp hành chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Hoàng N, Lê Duy A, Phạm Nhật D2, Phạm Duy K1, Trần Thanh H3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Trọng T3, Võ Trọng V, Lê Nhật P2, Huỳnh Chí L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

7. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 3 - Cà Mau;
- VKS nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Quốc Khởi